

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/DSST.

Ngày: 12-10-2022.

V/v: “Kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại
theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Tuyền.
2. Ông Bùi Hoàng Sơn.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2022, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 507/2021/TLST-DS ngày 22/11/2021 về việc: “Kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐST-DS ngày 12/7/2022 và thông báo mở lại phiên tòa ngày 19/9/2022, giữa:

- Các nguyên đơn:

1. Bà Đặng Thị L, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. Ông Lê Vĩnh H, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Ông Trần Anh T – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E; Có mặt.
2. Ông Lương Quang V – Chức vụ: Cán bộ địa chính xã E.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình Ph – Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện H. Có mặt.

2. Ông Ngô Đăng D, sinh năm 1963 (chồng bà L); địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Bà Đặng Thị Ng, sinh năm 1976 (vợ ông H); địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị L và ông Lê Vĩnh H trình bày:

Năm 2003, thực hiện chủ trương của Nhà nước giải tỏa các hộ lấn chiếm đất rừng phòng hộ Quốc lộ 14. Ngày 28/4/2003, UBND huyện H ban hành quyết định thành lập Hội đồng cưỡng chế giải tỏa. Do các hộ bị cưỡng chế giải tỏa đã có nhà ở, nếu giải tỏa mà không bố trí đất ở sẽ phát sinh khiếu nại, khiếu kiện. Do đó, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã E đã họp thống nhất xét giao đất cho các hộ bị giải tỏa không có đất ở mỗi hộ một lô đất và yêu cầu các hộ có đơn tự nguyện đóng góp tiền xây dựng cơ sở hạ tầng theo Nghị định số 24/1990/NĐ-CP nhưng thực chất đây là số tiền người dân đóng để UBND xã bán đất, trong đó có hộ bà L và hộ ông H đã đóng tiền cho UBND xã E. Trong số 25 hộ được xét giao đất đã có các hộ được giao đất như bà Nguyễn Thị Th, ông Ngô Văn H, ông La Quang D, ông Ma Kiên T, ông Lê Đức Ch, ông Trần Văn Tr, ông Phan Đình L.... Còn hộ ông H và hộ bà L mặc dù đã đóng tiền nhưng chưa được giao đất. Trong biên bản thỏa thuận giữa UBND xã với hộ ông H và hộ bà L thì các hộ được quyền sử dụng diện tích đất được giao, có vị trí, ranh giới và được làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi đã hoàn thành việc nộp tiền cho UBND xã.

Đối với hộ bà L được Hội đồng xét duyệt của UBND xã E thống nhất xét duyệt mua diện tích đất 250m², chiều ngang 10m, chiều dài 25m với số tiền 24.500.000 đồng, hộ bà L đã nộp số tiền 15.000.000 đồng. Tại thời điểm đó giá đất UBND xã bán là 98.000 đồng/m², như vậy đối với số tiền bà L đã nộp thì mua được 153m².

Đối với hộ ông H được Hội đồng xét duyệt của UBND xã E thống nhất xét duyệt mua diện tích đất 280m², chiều ngang 08m, chiều dài 35m với số tiền 27.440.000 đồng, hộ ông H đã nộp số tiền 22.800.000 đồng. Tại thời điểm đó giá đất UBND xã bán là 98.000 đồng/m², như vậy đối với số tiền ông H đã nộp thì mua được 232,6m².

Tại Kết luận số 167/KL-UBND ngày 11/10/2007 của Chủ tịch UBND huyện H kết luận hộ ông H và hộ bà L không thuộc đối tượng cấp đất, ông H và bà L đã nhiều lần gửi đơn đến các cấp có thẩm quyền nhưng không được giải quyết cấp đất hoặc trả lại tiền. Năm 2021, UBND huyện H chỉ đạo trả lại tiền cho hai hộ theo lãi suất Ngân hàng thì hộ ông H và hộ bà L không đồng ý. Bởi lẽ, hộ bà L và ông H đã bỏ tiền ra mua đất của UBND xã mà không được cấp đất nên UBND xã phải trả lại

tiền cho hai hộ tương đương với giá trị đất đã cam kết cấp cho bà L và ông H theo giá thị trường.

Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân xã E, huyện H phải trả cho bà L số tiền 734.400.000 đồng và ông H khởi kiện yêu cầu UBND xã E, huyện H phải trả ông H số tiền 1.116.480.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn UBND xã E trình bày:

Năm 2003, sau khi giải tỏa số hộ dân lấn chiếm đất rừng phòng hộ thì UBND xã đã lập phương án sử dụng đất rừng phòng hộ Quốc lộ 14, trong đó có một phần diện tích bố trí đất giãn dân, do tình hình thực tế các hộ lấn chiếm đã làm nhà ở nên sau khi phân lô UBND xã đã cấp đất cho 15 hộ thuộc đối tượng giải tỏa và 10 hộ thuộc đối tượng khác bằng hình thức huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng xã E, trong đó có hộ bà Đặng Thị L đã đóng góp số tiền 15.000.000 đồng, theo biên lai thu nộp tiền ngày 20/8/2003, tại vị trí lô đất dự kiến bố trí khoảng 250m² và hộ ông Lê Vĩnh H đóng góp số tiền 22.800.000 đồng, theo biên lai ngày 11/9/2003, tại vị trí lô đất dự kiến bố trí khoảng 280m². Tuy nhiên, từ đó đến nay hộ bà Đặng Thị L và hộ ông Lê Vĩnh H vẫn chưa được UBND xã giao đất theo thỏa thuận, nguyên nhân là do vị trí đất tại thời điểm bàn giao đã bị hộ khác chiếm dụng.

Mặc khác, Kết luận 167/KL-CT ngày 11/10/2007 của Chủ tịch UBND huyện H về việc thanh tra, quy hoạch cấp đất ở, đất tái định cư, thu, quản lý, sử dụng tiền huy động tại thôn 5, xã E. Qua thanh tra đã làm rõ những sai phạm trong việc huy động đóng góp và cấp đất sai quy định của pháp luật cho một số đối tượng, trong đó có hộ bà Đặng Thị L và hộ ông Lê Vĩnh H. Tại mục III của kết luận đã nêu rõ đối với các hộ có nhà cửa ổn định, chưa có nhu cầu tách hộ, không có hộ khẩu tại xã E đã được xét giao đất tức xét không đúng đối tượng thì thu hồi đất để quản lý, UBND xã có trách nhiệm trả lại tiền đã nộp cho các hộ. Do đó đối với trường hợp của hộ bà Đặng Thị L và hộ ông Lê Vĩnh H thì không thuộc đối tượng giao đất.

Căn cứ vào Báo cáo số 124/BC-TTr ngày 10/10/2018 của thanh tra huyện H và các văn bản hướng dẫn của UBND huyện, UBND xã đã lập phương án số 01/PA-UBND ngày 05/04/2021 về việc trả tiền lại cho các hộ dân, UBND xã thống nhất chi trả lại tiền cho hộ bà Đặng Thị L với số tiền từ năm 2003 đến năm 2022 là 110.493.523 đồng và hộ ông Lê Vĩnh H với số tiền từ năm 2003 đến năm 2022 là 167.950.154 đồng.

Việc bà Đặng Thị L và ông Lê Vĩnh H khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc UBND xã E phải trả lại số tiền tương đương với giá trị đất theo giá thị trường, UBND xã không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – UBND huyện E trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Ngô Đăng D: Tôi đồng ý với ý kiến của bà Đặng Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Đặng Thị Ng: Tôi đồng ý với ý

kiến của ông Lê Vĩnh H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa thể hiện việc bà L, ông H khởi kiện yêu cầu UBND xã E, huyện H bồi thường số tiền theo đơn khởi kiện là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 364; Điều 589 và 598 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L và ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Khi thụ lý vụ án, xác định đây là tranh chấp Kiện đòi tài sản. Trong quá trình giải quyết vụ án, nhận thấy việc bà Đặng Thị L và ông Lê Vĩnh H khởi kiện yêu cầu UBND xã E, huyện H phải bồi thường cho bà L, ông H số tiền tương đương với giá trị quyền sử dụng đất, theo quy định tại đoạn 2 khoản 8 Điều 46; khoản 2 Điều 52; khoản 1 Điều 53 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp “Kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về nội dung:

2.1. Năm 2003 UBND xã E giải tỏa một số hộ dân lấn chiếm đất rừng phòng hộ Quốc lộ 14, UBND xã đã lập phương án sử dụng đất rừng phòng hộ, trong đó có một phần diện tích để bố trí đất giãn dân, do tình hình thực tế các hộ lấn chiếm đã làm nhà ở nên sau khi phân lô, UBND xã đã giao đất bằng hình thức huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng xã E, trong đó có hộ bà Đặng Thị L đã đóng góp với số tiền 15.000.000 đồng, theo biên lai thu nộp tiền ngày 20/8/2003, vị trí lô đất dự kiến bố trí là 250m²; hộ ông Lê Vĩnh H đóng góp với số tiền 22.800.000 đồng, theo biên lai thu nộp tiền ngày 11/9/2003, vị trí lô đất dự kiến bố trí là 280m². Tuy nhiên, từ đó đến nay hộ bà Đặng Thị L và hộ ông Lê Vĩnh H vẫn chưa được UBND xã E giao đất theo thỏa thuận.

2.2. Tại Kết luận 167/KL-CT ngày 11/10/2007 của Chủ tịch UBND huyện H về việc thanh tra, quy hoạch cấp đất ở, đất tái định cư, thu, quản lý, sử dụng tiền huy động tại thôn 5, xã E kết luận hộ bà Đặng Thị L và hộ ông Lê Vĩnh H không thuộc đối tượng lấn chiếm đất rừng phòng hộ Quốc lộ 14 bị giải tỏa, bố trí lại đất ở, không thuộc diện được giao đất, không có nhu cầu tách hộ vẫn được xét giao đất. Tuy nhiên, theo chủ trương của UBND xã E hộ bà Đặng Thị L và hộ ông Lê Vĩnh H thuộc trường hợp được giao đất bằng hình thức huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng xã E theo Nghị định số 24/1999/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 1999 của Chính Phủ. UBND xã E đã lập Biên bản cam kết thể hiện trách nhiệm của UBND xã đối với hộ bà L, hộ ông H đến ngày 30/01/2004 phải giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình; tại giấy xác nhận đất thổ cư thể hiện UBND xã xác nhận về diện tích đất, tờ bản đồ, sổ thửa, tứ cận diện tích đất cho hộ bà L và hộ ông H được giao. Trên thực tế các hộ đã đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng xã E có các hộ đã được giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như (hộ bà Nguyễn Thị Q, hộ bà Nguyễn Thị Th, hộ ông Ngô Văn H, hộ ông Lê Đức Ch; hộ ông Trần Văn Tr; hộ ông Phan Đình L và hộ ông La Quang D...).

Theo Kết luận 167/KL-CT ngày 11/10/2007 của Chủ tịch UBND huyện H, đối với trường hợp của hộ bà L và hộ ông H xét cấp đất không đúng đối tượng thì UBND xã E có trách nhiệm trả lại số tiền mà hộ bà L và hộ ông H đã nộp. Đồng thời, tại Kết luận chỉ ra những sai phạm trong việc thu tiền và cam kết giao đất cho các hộ dân của người thi hành công vụ thuộc UBND xã E là các ông Nguyễn Kịch T – Chủ tịch UBND xã; ông Nguyễn Hoài L – Kế toán; ông Ngô Đăng D – Cán bộ Văn phòng; ông Lê Văn T – Phụ trách khối Văn hóa xã; ông Nguyễn Văn T – Cán bộ địa chính xã.

2.3. Ngày 15/8/2022 bà L và ông H đã có đơn đề nghị UBND xã E bồi thường trách nhiệm Nhà nước. Ngày 24/8/2022 UBND xã E đã tổ chức thương lượng bồi thường với bà L và ông H, tuy nhiên các bên thương lượng không thành.

2.4. Xét thấy, UBND xã E không có thẩm quyền giao đất, tuy nhiên các cán bộ, công chức thuộc UBND xã E đã tổ chức thu tiền và cam kết giao đất cho hộ ông H và hộ bà L là trái pháp luật đất đai, vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc thu tiền huy động theo Nghị định số 24/1999/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 1999 của Chính Phủ và gây thiệt hại cho các hộ bà L và ông H. UBND xã E là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ để gây thiệt hại phải có trách nhiệm bồi thường cho hộ bà L và hộ ông H.

Thiệt hại của hộ bà L và hộ ông H xảy ra trên thực tế nên việc bà L và ông H khởi kiện yêu cầu UBND xã E, huyện H phải bồi thường cho bà L, ông H số tiền tương đương với giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường là có cơ sở, cần chấp nhận. Căn cứ vào kết quả thẩm định giá tài sản của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Trung Hải Ban Mê ngày 26/4/2022 thì diện tích đất bà Liên được UBND xã E giao 250m² đất ở, tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 12 tại xã E, huyện H có giá thị trường là: 1.196.750.000 đồng (Một tỷ, một trăm chín sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và diện tích đất ông Hùng được UBND xã E giao 280m² đất ở, thửa đất số 169, tờ bản đồ số 12 tại xã E, huyện H có giá thị trường là: 1.340.360.000 đồng

(Một tỷ, ba trăm bốn mươi triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.5. Căn cứ vào biên bản cam kết và biên bản thỏa thuận được lập giữa UBND xã E với bà Đặng Thị L, thì số tiền bà Đặng Thị L phải nộp là 24.500.000 đồng tương đương với giá trị 250m² đất ở, thửa đất số 168, tờ bản đồ số 12 tại xã E, huyện H, theo chủ trương của UBND xã E thì bà L phải nộp 70%, bà L đã nộp cho UBND xã E 15.000.000 đồng tương đương với diện tích đất 153m². Như vậy, số tiền UBND xã E phải bồi thường cho bà Đặng Thị L là: $153\text{m}^2 \times (1.196.750.000 \text{ đồng} : 250\text{m}^2) = 732.411.000 \text{ đồng}$.

Căn cứ vào biên bản cam kết và biên bản thỏa thuận được lập giữa UBND xã E với ông Lê Vĩnh H thì số tiền ông H phải nộp là 27.440.000 đồng tương đương với giá trị 280m² đất ở, thửa đất số 169, tờ bản đồ số 12 tại xã E, huyện H, theo chủ trương của UBND xã E thì ông H phải nộp 70%, ông H đã nộp cho UBND xã E 22.800.000 đồng tương đương với diện tích đất 232,6m². Như vậy, số tiền UBND xã E phải bồi thường cho ông Lê Vĩnh H là: $232,6\text{m}^2 \times (1.340.360.000 \text{ đồng} : 280\text{m}^2) = 1.113.456.200 \text{ đồng}$.

2.6. Căn cứ Biên bản họp ngày 23/11/2007 về việc kiểm điểm theo kết luận 167/KL-CT ngày 11/10/2007 của Chủ tịch UBND huyện H; Căn cứ Báo cáo ngày 04/01/2008 của Phòng nội vụ H về kết quả kiểm điểm cán bộ, công chức xã E theo kết luận 167/KL-CT ngày 11/10/2007 của Chủ tịch UBND huyện H; Căn cứ Thông báo ngày 08/01/2008 của UBND huyện H về kết quả kiểm điểm cán bộ, công chức xã E có hành vi sai phạm theo kết luận 167/KL-CT ngày 11/10/2007 của Chủ tịch UBND huyện H gồm các ông Nguyễn Kịch T – Chủ tịch UBND xã; ông Nguyễn Hoài L – Kế toán; ông Ngô Đăng D – Cán bộ Văn phòng; ông Lê Văn T – Phụ trách khối Văn hóa xã; ông Nguyễn Văn T – Cán bộ địa chính xã. Căn cứ Điều 64 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định Nghĩa vụ hoàn trả của người thi hành công vụ, nên cần kiến nghị UBND huyện H và UBND xã E xem xét trách nhiệm lỗi của các cá nhân có sai phạm nói trên xử lý theo trách nhiệm hoàn trả.

[3]. Về án chi phí tố tụng: Do bà Đặng Thị L và ông Lê Vĩnh H là người yêu cầu định giá tài sản và cung cấp kết quả thẩm định giá cho Tòa án, nên bà L và ông H phải chịu tiền chi phí thẩm định giá tài sản.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L và ông H được chấp nhận, nên UBND xã E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Đặng Thị L và ông Lê Vĩnh H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 22; Điều 23; đoạn 2 khoản 8 Điều 46; khoản 2 Điều 52; khoản 1 Điều 53 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 364; Điều 589 và 598 Bộ luật dân sự.

1. Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L. Buộc UBND xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk bồi thường cho bà Đặng Thị L số tiền 732.411.000 đồng (bảy trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm mười một nghìn đồng).

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Vĩnh H. Buộc UBND xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk bồi thường cho ông Lê Vĩnh H số tiền 1.113.456.200 đồng (một tỷ, một trăm mười ba triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.3. Về trách nhiệm hoàn trả: Kiến nghị UBND huyện H, tỉnh Đắk Lắk và UBND xã E, huyện H căn cứ Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước xem xét trách nhiệm lỗi của các cá nhân có sai phạm có nghĩa vụ hoàn trả của người thi hành công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Đặng Thị L và ông Lê Vĩnh H phải chịu tiền chi phí thẩm định giá tài sản (số tiền này các đương sự đã tự chi).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 6 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Ủy ban nhân dân xã E phải chịu 67.376.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Đặng Thị L 16.688.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, theo biên lai số 60AA/2021/0000541 ngày 15/11/2021.

Trả lại cho ông Lê Vĩnh H 22.747.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, theo biên lai số 60AA/2021/0000540 ngày 15/11/2021.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ